TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **521**/2024/DS-PT Ngày 26 - 12 - 2024 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm phán: Các Thẩm Phán: - Ông **Nguyễn Thành Lập**

- Ông **Đặng Minh Trung**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hứa Như Nguyện** – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 thàng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 481/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 313/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 516/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị M**; Sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Trần Chính N**, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Huỳnh Thị M1**, sinh năm 1965 (có mặt);

2. Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm 1997; Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau;

3. Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện P, tỉnh Bình

Dương.

4. Anh **Trần Văn L1**, sinh năm 1989;

5. Chị **Trần Thị L2**, sinh năm 1994;

6. Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau;

7. Anh **Lý Văn C**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau;

8. **Ngân hàng N2** – Chi nhánh huyện T; Địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Chính N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị M trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp hiện tại bà đang quản lý, sử dụng do cha bà ông Trần Văn T1 tặng cho ngày 11/12/2008 diện tích ngang 20m x dài 20m tổng diện tích 400m^2 đất tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau, việc tặng cho có làm giấy tặng cho, bà quản lý sử dụng từ khi tặng cho năm 2008 đến nay, trên đất bà có cất nhà và chôn cất cháu ngoại (Văn Thị Thúy H) lặp mộ 2012. Bà yêu cầu Tòa án xác định phần đất có diện tích ngang 20m x dài 20m tổng diện tích 400m^2 đất tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sử dụng của bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Chín N1, người đại diện theo ủy quyền của ông N1 anh Trần Văn L1 trình bày: Trước đây năm 2008 cha ông N1 là ông Trần Văn T1 có cho bà M phần đất hiện đang tranh chấp để ở, có lặp giấy tay tặng cho ngày 11/12/2008, giấy tặng cho cha ông Ne (Trần Văn T1) và ông N1 có ký tên vào giấy tặng cho nhưng không có diện tích, việc ông N1 ký tên vào giấy tặng cho đất là do chính quyền địa phương ở ấp đưa cho ông N1 ký. Bà M ở trên phần đất tranh chấp từ thời điểm cha ông Ne cho đất bà M. Theo ông N1 thời điểm này bà M nghèo khổ nên cha ông N1 cho bà M ở không được sang bán, khi nào con ông N1 lớn thì bà M trả lại.

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Trần Văn T1 tặng cho ông N1 và đã chuyển tên qua cho ông N1 từ năm 1996 và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/5/1996. Trước yêu cầu khởi kiện của bà M ông N1 không đồng ý.

Bà Huỳnh Thị M1 trình bày: Thống nhất ý kiến của ông N1, có ý kiến bổ sung: Trước đây khi cha chồng bà có nói với vợ chồng bà lúc này bà M khó khăn nên cha chồng bà kêu vợ chồng bà cho bà M mượn phần đất ở, khi nào con bà lớn thì trả lại, T2 yêu cầu khởi kiện của bà M ông N1 không đồng ý.

Anh Trần Văn L, anh Trần Văn Đ trình bày: Thống nhất ý kiến của cha mẹ anh, anh đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt anh, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử ở các phiên tòa sơ thẩm.

Anh Lý Văn C trình bày: Hiện tại anh cùng bà M đang quản lý sử dụng phần đất tranh chấp, anh thống nhất với ý kiến trình bày của bà M, anh đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt anh, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử ở các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có).

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 313/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M đối với ông Trần Chính N. Công nhận cho bà Trần Thị M được quyền sử dụng phần đất có mốc giới M1M2M3M4 tại thửa số 1 (loại đất ONT+CLN) có diện tích 363,4m^2, đất tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà Trần Thị M được quyền liên hệ đến cơ quan thẩm quyền quản lý đất đai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo bản vẽ Trích đo hiện trạng ngày 18/7/2024 của Công ty TNHH -)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/10/2024 ông N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông N không cung cấp thêm chứng cứ mới, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông cho rằng đất cho bà M2 mượn nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M2. Bà M2 cho rằng đất được cha cho có giấy cho, ông N có ký tên trong giấy cho nên yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đất tranh chấp bà M2 được cha cho có người chứng kiến, có giấy cho ông N có ký tên, ông N không có chứng cứ cho mượn, nên kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, về nội dung và thời hạn kháng cáo được ông N thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của ông theo quy định. Về thẩm quyền cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật TTDS.

[2] Xét kháng cáo của ông N: Tại phiên tòa phúc thẩm ông N không cung cấp thêm chứng cứ nào khác thể hiện vợ chồng ông cho bà M mượn đất ở, trong khi đó ông vẫn thừa nhận chữ ký chữ viết Trần Chính N trong giấy tặng cho đất ngày 11/12/2008 (BL 02) là do ông ký. Theo nội dung giấy tặng cho đất này thể hiện cụ T1 là cha của hai đương sự đồng ý tặng cho bà M phần đất tranh chấp, ông N thống nhất cho cùng ký tên vào giấy tặng cho, còn có người làm chứng và B nhân dân ấp xác nhận việc tặng cho. Sau khi được tặng cho đất bà M đã cất nhà ở và sử dụng đất cho đến nay, chứng minh thêm việc tặng cho là phù hợp đó là bà M đã chôn cất người cháu ngoại trên phần đất này vào năm 2012, khi chôn phía ông N không phản đối cũng không ngăn cản là mặc nhiên thừa nhận. Do đó kháng cáo của ông N không có căn cứ, bản án sơ thẩm xét xử là phù hợp cần được giữ nguyên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm ông N phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo HĐXX phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T3 quy định về án phí và lệ phí Toà án. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Chính N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 313/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M. Công nhận cho bà M được quyền sử dụng phần đất có mốc giới M1M2M3M4 tại thửa số 1(loại đất ONT+CLN) có diện tích 363,4m^2, tại ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà M được quyền liên hệ đến các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo bản vẽ Trích đo hiện trạng ngày 18/7/2024 của Công ty TNHH - đo đạc bản đồ Tấn C1)

2. Chi phi phí tố tụng: Buộc ông Trần Chính N phải chịu chi phí tố tụng 3.768.000 đồng. Bà M đã tạm ứng thanh toán xong khoản tiền này. Ông Trần Chính N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà M số tiền này.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Bà M được miễn nộp và miễn dự nộp, ông Trần Chính N phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm ông Trần Chính N phải chịu 300.000 đồng, ngày 11/10/2024 ông đã dự nộp số tiền này tại lai thu số 0569 của chi cục THA huyện T được chuyển thu.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Quang Thế